

**Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright****Học kỳ Xuân 2015****KINH TẾ HỌC KHU VỰC CÔNG****Bài tập 2****PHÂN TÍCH CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ**

Ngày nộp: 6/5/2015

**Câu 1. Thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh**

Theo *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế* năm 2014 (gọi là Luật số 71), từ ngày 1/1/2015, cách tính thuế TNCN đối với hộ kinh doanh có điểm khác so với trước đây. Cụ thể:

Trước đây thuế TNCN đối với hộ kinh doanh (xét trường hợp không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ) nộp thuế theo phương pháp thuế khoán, ở đó thu nhập chịu thuế sẽ được xác định theo công thức:

$$\text{Thu nhập chịu thuế trong kỳ} = \text{Doanh thu ấn định trong kỳ tính thuế} * \text{Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định}$$

Trong đó, doanh thu ấn định được xác định căn cứ vào kê khai của cá nhân kinh doanh, kết quả điều tra của cơ quan thuế và ý kiến tham gia của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường. Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Bảng 1. Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định**

Hoạt động	Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định (%)
Phân phối, cung cấp hàng hoá	7
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	30
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	15
Hoạt động kinh doanh khác	12

Thu nhập chịu thuế trong kỳ sau đó sẽ được giảm trừ gia cảnh (bản thân 9 triệu/tháng, mỗi người phụ thuộc 3,6 triệu đồng/tháng) để xác định thu nhập tính thuế và áp dụng mức thuế suất theo biểu thuế lũy tiến từng phần (xem Bảng 2).

**Bảng 2. Biểu thuế lũy tiến từng phần**

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10

3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Theo quy định mới, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Cụ thể, cá nhân có thu nhập từ hoạt động kinh doanh với doanh thu được xác định trên 100 triệu đồng/năm (tương đương gần 8,4 triệu đồng/tháng) sẽ phải nộp thuế TNCN theo thuế suất tính trên doanh thu (không tính giảm trừ gia cảnh) tương ứng với các mức thuế suất thuộc từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác nhau (cụ thể xem Bảng 3).

### **Bảng 2. Thuế suất đối với cá nhân kinh doanh**

a) Phân phối, cung cấp hàng hoá	0,5%
b) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	2%
Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp	5%
c) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	1,5%
d) Hoạt động kinh doanh khác	1%

### **Yêu cầu:**

Anh/chị hãy phân tích chính sách thuế này trên các phương diện: (i) hiệu quả kinh tế, (ii) công bằng xã hội, (iii) khả thi, và (iv) nguồn thu.

### **Câu 2. Chính sách thuế xuất khẩu khoáng sản và thuế tài nguyên**

Ngày 18/5/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 67/2011/TT-BTC về việc sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng quặng sắt và tinh quặng sắt. Theo đó, mức thuế suất thuế xuất khẩu quặng sắt, tinh quặng sắt, kể cả pirit sắt đã nung đều được nâng lên mức 40% thay cho mức 30% trước đó.

Chính sách này được cho là sự cụ thể hóa tinh thần của Nghị quyết 02/NQ-TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo Nghị quyết 02 thì chính sách dự trữ và xuất khẩu khoáng sản chỉ hạn chế, tiến đến sớm chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô, chưa qua chế biến hoặc chỉ ở dạng sơ chế; đồng thời không xuất khẩu các loại khoáng sản quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

Tham khảo nhiều nước trên thế giới cho thấy có rất ít nước áp dụng chính sách thuế xuất khẩu quặng sắt, hoặc nếu có thì cũng ở mức rất thấp (xem Bảng 4). Úc và Brazil là những nước có trữ lượng quặng sắt hàng đầu thế giới nhưng cũng không áp dụng chính sách thuế xuất khẩu quặng sắt. Chỉ gần đây (2012), Bộ Sắt Thép Ấn Độ đã quyết định nâng thuế xuất khẩu quặng sắt từ 10% lên 15% nhằm khuyến khích xuất khẩu các loại khoáng sản đã qua chế biến để tăng thêm giá trị.

Ngược lại với chính sách tăng thuế xuất khẩu quặng sắt, chính sách thuế tài nguyên hiện nay ở Việt Nam được cho là quá ưu đãi đối với các doanh nghiệp khai thác khoáng sản. Với mức thuế suất quá thấp (tương tự đối với quặng sắt), đi kèm với nhiều bất cập trong chủ trương phân cấp

quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản (trong đó có quặng sắt) cũng như việc phân cấp nguồn thu thuế tài nguyên, đã khiến cho tình trạng chảy máu tài nguyên đang diễn ra ngày một phổ biến.

**Bảng 4. Thuế tài nguyên và xuất khẩu quặng sắt của một số quốc gia**

	Thuế xuất khẩu	Thuế tài nguyên
<b>Ác-hen-ti-na</b>	5,0%	3,0%
<b>Úc</b>	Không áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tài nguyên quốc gia: 6,5%-7,5%</li> <li>Thuế tài nguyên khoáng sản (MRRT): 22,5%</li> </ul>
<b>Bra-xin</b>	0,0%	2,0%
<b>Canada</b>	Không áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bang Quebec: 16%</li> <li>BC: 2%-13%</li> <li>Ontario: 5%-10%</li> </ul>
<b>Chi-lê</b>	Không áp dụng	0-14%
<b>Trung Quốc</b>	Không áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuế tài nguyên: RMB10-25/ tấn</li> <li>Bù đắp tài nguyên khoáng sản: 0,5%-4%</li> <li>Phí dành quyền khai thác TN: căn cứ diện tích khai thác</li> </ul>
<b>Cộng hòa dân chủ Công- gô</b>	Không áp dụng	0,5%
<b>Cộng hòa Công gô</b>	Không áp dụng	3,0%
<b>Gha-na</b>	Không áp dụng	5,0%
<b>Ấn Độ</b>	10-20%	10,0%
<b>In-đô-nê-xia</b>	Không áp dụng	3,0%
<b>Ka-zắc-xtan</b>	Không áp dụng	2,8%
<b>Pê-ru</b>	Không áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuế tài nguyên khai thác mỏ: 1%-12%</li> <li>Thuế khai thác đặc biệt: 2%-8,4%</li> <li>Đóng góp khai thác đặc biệt: 4%-13,12%</li> </ul>
<b>Phi-líp-pin</b>	Không áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thuế TTĐB: 2%</li> <li>Thuế tài nguyên để bảo tồn khoáng sản: tối thiểu 5%</li> <li>Thuế tài nguyên đóng góp cho cộng đồng địa phương: thỏa thuận</li> </ul>
<b>Nga</b>	Không áp dụng	4,8%
<b>Nam Phi</b>	Không áp dụng	0,5%-7,0%
<b>Tan-za-nia</b>	Không áp dụng	3,0%
<b>Úc-krai-na</b>	Không áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>UAH 0,89 – 11,45/ tấn tùy vào chất lượng quặng</li> </ul>

*Nguồn:* Tác giả tổng hợp từ PWC (2012) Corporate Income Taxes, Mining Royalties and other mining taxes- A Summary of rates and rules in selected countries. June 2012.

**Yêu cầu:**

- a. Theo anh/chị, chính sách tăng thuế suất thuế xuất khẩu quặng sắt lên rất cao như vậy liệu có đạt được: hiệu quả kinh tế, công bằng, và khả thi hay không (bao gồm cả phương diện huy động nguồn thu cho ngân sách)? [*Anh/chị hãy phân tích cẩn thận bằng những lập luận và dẫn chứng cụ thể từ những hiểu biết và thông tin anh/chị có được.*]
- b. Chính sách tăng thuế xuất khẩu quặng sắt liệu có đạt được mục tiêu giúp cho ngành thép nội địa của Việt Nam phát triển (như mong muốn của chính phủ) và có thể cạnh tranh quốc tế hay không? [*Những phân tích của anh/chị không cần phải quá chuyên sâu, chủ yếu dựa trên các nguyên lý của thuế khóa, nhưng vẫn cần tham khảo thêm các thông tin từ các nguồn khác.*]

**Lưu ý:** Những câu trả lời của anh/chị cần phải ngắn gọn và đi thẳng vào trọng tâm của câu hỏi. Độ dài cho mỗi câu trả lời theo dạng bài phân tích không nên vượt quá 500 từ.